

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-02-2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoa

Bà Nguyễn Thị Quế Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Hoàng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 259/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2022/QĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị B**, sinh năm 1973. Địa chỉ: **Nhà số A, ngõ A, đường D, khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An**. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1972. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An**.

Hiện đang ở: **CHLB N**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị **Lưu Thị B** trình bày:

Chị **B** và anh **Nguyễn Văn D** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H** (nay là **xã L**), **huyện H, tỉnh Nghệ An** vào ngày 28/3/1992; tên thể hiện tại giấy đăng ký kết hôn là **Lưu Thị P**; sau khi về gia đình chồng do trùng tên với em chồng là **Nguyễn Văn P1** nên đổi tên thành **Lưu Thị B** và làm lại giấy khai sinh, chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác mang tên **Lưu Thị B**; vợ chồng sống chung đến tháng 01 năm 2018

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống khó khăn, quan điểm sống khác nhau nên thường hay cãi vã nhau; năm 2019, anh **D** đi xuất khẩu lao động tại **CHLB N** và cắt đứt quan hệ, không liên lạc với nhau; anh **D** có liên lạc về với bố mẹ là ông **Nguyễn Đình T** và bà **Ngô Thị Y**, địa chỉ tại xóm A, xã L, huyện H, tỉnh Nghệ An; do không liên lạc được với anh **Nguyễn Văn D** và gia đình anh **D** không cung cấp địa chỉ nên chị **Lưu Thị B** không biết địa chỉ của anh **D** ở nước ngoài; chị **Lưu Thị B** xét thấy vợ chồng sống xa nhau, không quan tâm đến nhau, tình cảm không còn nên chị **Lưu Thị B** đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh **Nguyễn Văn D**.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: **Nguyễn Văn A**, sinh ngày 16/3/1992, **Nguyễn Thị K**, sinh ngày 20/01/1996, **Nguyễn Văn M**, sinh ngày 06/9/2000; các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Chị **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh **Nguyễn Văn D**: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu anh **Nguyễn Văn D** có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh **D** thông qua ông **Nguyễn Đình T** và bà **Ngô Thị Y** (bố, mẹ đẻ anh **D**); thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật nhưng hiện tại anh **D** vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì. Theo trình bày của ông **T**, bà **Y** thì anh **D** có điện thoại về cho gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ hiện tại của anh **D** ở đâu và anh **D** đã biết việc chị **B** làm đơn ly hôn tại Tòa án, anh **D** không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Anh **D** hiện đang ở **CHLB N** nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, theo ông **Nguyễn Đình T** và bà **Ngô Thị Y** (bố mẹ đẻ anh **D**) cung cấp thông tin hiện nay anh **D** đang sinh sống tại **CHLB N**, mặc dù không biết nơi cư trú cụ thể, nhưng anh **D** thỉnh thoảng gọi điện thoại về cho ông **T**, bà **Y**; anh **D** đã biết được việc chị **B** xin ly hôn và không có ý kiến gì. Việc anh **D** vắng mặt được xác định cố tình giấu địa chỉ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xử cho chị **Lưu Thị B** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn D**;

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: **Nguyễn Văn A**, sinh ngày 16/3/1992, **Nguyễn Thị K**, sinh ngày 20/01/1996, **Nguyễn Văn M**, sinh ngày 06/9/2000; các con chung đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.
- Về án phí: Chị **B** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị **B** trình bày anh **D** đang ở **CHLB N** nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh tại người thân của anh **D** là ông **Nguyễn Đình T** và bà **Ngô Thị Y** (bố mẹ đẻ anh **D**) thì được cung cấp anh **D** hiện nay đang ở **CHLB N** thỉnh thoảng gọi điện thoại về cho ông **T**, bà **Y**. Ngày 24/11/2022, **Cục Q** có công văn số 25180/QLXNC(P5) cung cấp thông tin anh **Nguyễn Văn D** xuất cảnh lần cuối ngày 25/02/2020 qua cửa khẩu sân bay Quốc tế **N**, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Do anh **D** trước khi xuất cảnh có địa chỉ cuối cùng tại xã **N**, huyện **N**, tỉnh **Nghệ An** và hiện nay đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông **Nguyễn Đình T** và bà **Ngô Thị Y** (bố mẹ đẻ anh **D**) cung cấp hiện nay anh **D** đang ở **CHLB N** nhưng không biết địa chỉ cụ thể; anh **D** vẫn gọi điện thoại về cho ông **T**, bà **Y** và đã biết được chị **B** khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng anh **D** không có ý kiến gì. Như vậy, anh **D** đã biết được chị **B** yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ và vắng mặt là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Vì vậy, căn cứ Điều 207; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Chị **B** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh **D**. Xét thấy, chị **B**, anh **D** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống xa nhau, chị **B** ở Việt Nam, anh **D** ở nước ngoài. Do vợ chồng sống xa nhau, không liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho chị **Lưu Thị B** được ly hôn anh **Nguyễn Văn D** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là **Nguyễn Văn A**, sinh ngày 16/3/1992, **Nguyễn Thị K**, sinh ngày 20/01/1996, **Nguyễn Văn M**, sinh ngày 06/9/2000; các con chung đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

[6] Tài sản chung và nợ chung: Chị **Lưu Thị B** không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh **Nguyễn Văn D** vắng mặt chưa có ý kiến nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[7] Về án phí: Chị **Lưu Thị B** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị **Lưu Thị B** ly hôn với anh **Nguyễn Văn D**.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, chị **B** không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị **Lưu Thị B** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012242 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị **B** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị **Lưu Thị B** vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh **Nguyễn Văn D** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã A, h B
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh